

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 01/02/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 135/TTr-SNNPTNT ngày 12 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, với các nội dung chính như sau:



I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân, công trình phòng chống thiên tai, cơ sở hạ tầng, ổn định dân sinh là nhiệm vụ của các cấp, ngành, đặc biệt là của chính quyền địa phương, là trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp và toàn dân.

b) Phải chủ động phòng ngừa sạt lở; khi xây dựng, phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương, đặc biệt là xây dựng các khu đô thị, dân cư, công nghiệp, dịch vụ, cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển phải đề phòng nguy cơ sạt lở và không làm tăng nguy cơ sạt lở. Khi xảy ra sạt lở phải tập trung ứng phó, khắc phục kịp thời, hiệu quả giảm thiểu thiệt hại.

c) Phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông cần được thực hiện đồng bộ; xử lý cấp bách trước mắt, đồng thời có giải pháp căn cơ lâu dài; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, không làm tăng nguy cơ sạt lở, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn, phòng hộ ven biển và tạo sinh kế cho người dân.

d) Phòng, chống sạt lở phải được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên bảo đảm an toàn hệ thống đê điều, khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng quan trọng, chống suy thoái rừng phòng hộ ven biển tại những khu vực xói lở nghiêm trọng không thể phục hồi.

đ) Đề cao sự tham gia của cộng đồng đối với công tác quản lý bờ, lòng sông, vùng ven biển; tăng cường huy động nguồn lực ngoài ngân sách, nhất là của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được hưởng lợi trong phòng, chống sạt lở.

e) Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, ưu tiên ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường, dễ thi công, có thể sử dụng nhiều lần, giá thành phù hợp, kết hợp với giải pháp truyền thống. Quản lý hiệu quả nguồn nước, giảm thiểu các yếu tố tác động gây sạt lở bờ biển, bờ sông.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Chủ động quản lý, phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông, tạo điều kiện ổn định và phát triển kinh tế - xã hội khu vực ven biển, ven sông; góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng, an toàn tính mạng, tài sản và sản xuất của Nhân dân; phát huy hiệu quả đầu tư các công trình phòng, chống sạt lở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Mục tiêu cụ thể

- Điều tra, đánh giá, cập nhật cơ sở dữ liệu về sạt lở bờ biển, bờ sông. Phân đầu đến năm 2023 cơ bản hoàn thành công tác cập nhật hiện trạng sạt lở bờ biển, bờ sông lên bản đồ Wedgis về hiện trạng sạt lở, công trình phòng chống sạt lở khu vực tỉnh Kiên Giang.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, giám sát sạt lở và quản lý bờ sông, lòng sông, bờ biển, giảm thiểu tác động làm gia tăng nguy cơ sạt lở; phấn đấu đến năm 2023 các khu dân cư ven sông, ven biển ở vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở đều được cảnh báo kịp thời và được hướng dẫn kỹ năng ứng phó khi xảy ra sạt lở.

- Quản lý chặt chẽ việc xây dựng công trình, nhà ở tại khu vực ven sông, ven biển. Chủ động sắp xếp lại dân cư, di dời dân cư ra khỏi khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở bờ biển, bờ sông, phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành 90% việc di dời các hộ dân ra khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở.

- Phấn đấu đến năm 2025, hoàn thành xử lý sạt lở tại các khu vực trọng điểm xung yếu, ảnh hưởng trực tiếp đến khu dân cư tập trung, hệ thống đê điều, cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng ven sông, ven biển. Đối với các công trình phòng, chống sạt lở bờ biển, phấn đấu thực hiện 90% số lượng công trình đề xuất đầu tư; đối với các công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, phấn đấu hoàn thành xử lý các khu vực sạt lở đặc biệt nguy hiểm. Đến năm 2030, các khu vực sạt lở nguy hiểm tại các khu vực bờ sông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang cơ bản được xử lý bằng giải pháp công trình.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

a) Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về phòng, chống sạt lở nhằm giảm nguy cơ sạt lở, rủi ro do sạt lở.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến sạt lở bờ biển, bờ sông.

c) Tăng cường quản lý chặt chẽ các hoạt động ven sông, ven biển ảnh hưởng đến sạt lở.

d) Hiện đại hóa công tác quan trắc, dự báo, kịp thời cảnh báo nguy cơ sạt lở bờ biển, bờ sông.

đ) Triển khai ứng dụng khoa học công nghệ, vật liệu mới phù hợp với điều kiện cụ thể của từng khu vực để phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông.

e) Xây dựng công trình tại các khu vực trọng điểm để phòng, chống sạt lở, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân và công trình hạ tầng thiết yếu.

2. Giải pháp

a) Rà soát các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh

- Rà soát, kịp thời xử lý hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý các văn bản quy phạm pháp luật để tăng cường quản lý các hoạt động tại khu vực ven sông, ven biển (nhất là quản lý xây dựng công trình, nhà ở ven sông) và xử lý sạt lở bờ biển, bờ sông để chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sạt lở, bảo đảm an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại tài sản của Nhân dân và Nhà nước.

- Rà soát các văn bản quy định về quản lý đầu tư, đất đai, lâm nghiệp, biển và lĩnh vực khác có liên quan để đề xuất sửa đổi, bổ sung, tạo điều kiện xây dựng cơ chế, chính sách nhằm huy động nguồn lực ngoài ngân sách, khuyến khích khối tư nhân đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng ngập mặn ven biển.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy định nhằm khuyến khích nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, áp dụng các chính sách hỗ trợ di dời dân cư khỏi khu vực sạt lở và khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở gắn với sinh kế, ổn định đời sống của người dân.

b) Tổ chức điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu, thiết kế quy hoạch

Phối hợp với các viện, trường trong nghiên cứu về phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông trên địa bàn tỉnh nhằm triển khai các nhiệm vụ sau:

- Điều tra cơ bản về sạt lở, dân cư và công trình hạ tầng ven sông, ven biển trên cơ sở đó xây dựng cơ sở dữ liệu về sạt lở, dân cư và công trình phòng, chống sạt lở, trong đó ưu tiên thực hiện tại những khu vực đang có diễn biến sạt lở và có nguy cơ cao xảy ra sạt lở trên các hệ thống sông chính.

- Điều tra, đánh giá diễn biến bùn cát và các yếu tố thủy, hải văn có tác động đến sạt lở bờ biển, bờ sông.

- Nghiên cứu xây dựng phương án tổng thể chính trị và phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông trên địa bàn tỉnh để phù hợp quy hoạch phòng, chống thiên tai, thủy lợi, quy hoạch vùng, phù hợp với các quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách trước mắt, giải pháp căn cơ lâu dài, các công trình, phi công trình để phòng, chống sạt lở

* Giải pháp cấp bách:

- Tổ chức cắm biển cảnh báo tại những khu vực bị sạt lở và có nguy cơ cao xảy ra sạt lở.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác đất, cát trên sông và vùng ven biển, đảo, khắc phục tình trạng mất cân bằng bùn cát để hạn chế nguy cơ sạt lở; ngăn chặn triệt để tình trạng khai thác đất, cát trái phép, không xin phép.

- Tổ chức di dời khẩn cấp các hộ dân ra khỏi khu vực bờ biển, bờ sông bị sạt lở, bố trí tái định cư theo các hình thức tái định cư xen ghép hoặc xây dựng khu tái định cư tập trung phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

- Xây dựng các công trình khắc phục sự cố sạt lở ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng quan trọng ven sông, ven biển và rừng phòng hộ ven biển, đặc biệt là rừng ngập mặn bảo vệ trực tiếp đê biển.

- Kiểm soát, quản lý chặt chẽ việc xây dựng, nâng cấp nhà ở, công trình ven sông, ven biển tránh bị ảnh hưởng do sạt lở và làm gia tăng nguy cơ sạt lở. Đồng thời, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về lĩnh vực xây dựng và công trình thủy lợi trong hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Quản lý, kiểm soát hoạt động của phương tiện giao thông đường thủy nhằm giảm thiểu tác động gây sạt lở, nhất là trên các tuyến kênh, rạch.

* Giải pháp lâu dài:

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của người dân, cơ quan, tổ chức về phòng chống sạt lở bờ biển, bờ sông.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho lực lượng cán bộ phụ trách công tác phòng, chống thiên tai các cấp, lực lượng xung kích và Nhân dân tại các xã trên địa bàn các huyện, thành phố về công tác phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông nói riêng và phòng, chống thiên tai nói chung.

- Quy hoạch sắp xếp lại dân cư, chủ động di dời các hộ dân tại khu vực có nguy cơ sạt lở, trước hết là tại các khu vực có nguy cơ sạt lở cao.

- Xây dựng hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát diễn biến sạt lở, lòng dẫn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các hoạt động phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai; tuyên truyền, tập huấn; chỉ đạo điều hành ...

- Xây dựng các công trình chỉnh trị sông nhằm giữ ổn định tỷ lệ phân lưu, ổn định dòng chảy, hình thái sông, bờ biển, bờ sông tại các khu vực trọng điểm, vùng cửa sông, ven biển có diễn biến bồi, xói phức tạp.

- Xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bảo vệ khu đô thị, khu dân cư tập trung có nguy cơ sạt lở theo quy hoạch, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Triển khai thực hiện các dự án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng phòng hộ, nhất là rừng ngập mặn ven biển, trồng cây chắn sóng để phòng chống sạt lở; đẩy mạnh xã hội hóa công tác đầu tư, quản lý, khai thác phù hợp gắn với trách nhiệm trông, chăm sóc, bảo vệ rừng ngập mặn ven biển.

d) Khoa học công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ phòng, chống sạt lở:

- Ứng dụng vật liệu mới thay thế cát sử dụng trong xây dựng, đề xuất các giải pháp thay thế cát san lấp, tiến tới không sử dụng cát để san lấp.

- Phối hợp với các viện, trường trong công tác đánh giá ảnh hưởng của việc khai thác nước ngầm, suy giảm bùn cát đến sạt lở bờ biển, bờ sông trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của sự thay đổi chế độ dòng chảy, bùn cát, sụt lún đất đến sạt lở bờ biển, bờ sông trên các sông chính.

- Ứng dụng công nghệ, vật liệu mới trong phòng, chống sạt lở phù hợp với điều kiện từng khu vực, thân thiện môi trường, giảm chi phí đầu tư.

đ) Huy động nguồn lực

Chủ động bố trí ngân sách của tỉnh, tranh thủ sự hỗ trợ từ Trung ương; đồng thời, tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, đặc biệt là nguồn lực từ khối tư nhân, doanh nghiệp và người dân được hưởng lợi cho công tác phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông.

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Nguồn vốn thực hiện Đề án bao gồm: ngân sách Nhà nước (ngân sách tỉnh và ngân sách hỗ trợ từ Trung ương); Quỹ phòng, chống thiên tai và các nguồn vốn hợp pháp khác.

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ tỉnh

Ngân sách Trung ương hỗ trợ tỉnh để khắc phục sự cố sạt lở cấp bách, đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở quan trọng vượt quá khả năng của ngân sách tỉnh.

2. Ngân sách tỉnh và Quỹ phòng, chống thiên tai

Ngân sách tỉnh và Quỹ phòng, chống thiên tai để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống sạt lở thuộc trách nhiệm của tỉnh và đầu tư xây dựng, quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện các biện pháp phòng, chống sạt lở nhằm bảo vệ công trình, tài sản của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở theo cơ chế, chính sách huy động vốn ngoài ngân sách của cấp có thẩm quyền.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

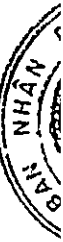
1. Hàng năm, các Sở, ban, ngành và địa phương chủ động đề xuất kinh phí thực hiện về Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh tổng hợp để trình UBND tỉnh quyết định đối với các nhiệm vụ, giải pháp được phân công.

2. Đối với kinh phí đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030:

- Tổng số công trình phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông: **200** công trình (phòng, chống sạt lở bờ biển: 18 công trình; phòng, chống sạt lở bờ sông: 182 công trình).

- Tổng nhu cầu kinh phí: **17.406** tỷ đồng (đề xuất Trung ương hỗ trợ 17.345 tỷ và dự kiến nhu cầu kinh phí từ ngân sách tỉnh 61 tỷ).

Chi tiết theo bảng sau:



Stt	Năm	Số lượng công trình	Số km kè	Đề xuất kinh phí			Ghi chú
				Tổng	Đề xuất Trung ương hỗ trợ (tỷ đồng)	Ngân sách địa phương (tỷ đồng)	
Tổng cộng		200	1.138,658	17.406	17.345	61	
I. Giai đoạn 2021 - 2025		90	552,288	10.469	10.408	61	
1	Kè phòng, chống sạt lở bờ biển	18	71,358	2.450	2.450	-	
2	Kè phòng, chống sạt lở bờ sông	72	480,930	8.019	7.958	61	
II. Giai đoạn 2026 - 2030		110	586,370	6.937	6.937	-	
1	Kè phòng, chống sạt lở bờ biển	-	-	-	-	-	Đề xuất khi phát sinh
2	Kè phòng, chống sạt lở bờ sông	110	586,370	6.937	6.937	-	

a) Giai đoạn 2021-2025:

- Tổng số công trình phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông: **90** công trình (công trình phòng, chống sạt lở bờ biển 18 công trình; công trình phòng, chống sạt lở bờ sông 72 công trình).

- Tổng nhu cầu kinh phí: **10.469** tỷ đồng (bờ biển 2.450 tỷ đồng; bờ sông 7.958 tỷ đồng). Trong đó:

+ Đề xuất Trung ương hỗ trợ: 10.408 tỷ đồng.

+ Dự kiến nhu cầu kinh phí từ ngân sách tỉnh: 61 tỷ đồng.

Chi tiết theo bảng sau:

Stt	Năm	Số	Số km	Đề xuất kinh phí	Ghi
-----	-----	----	-------	------------------	-----

		lượng công trình	kè	Tổng	Đề xuất Trung ương hỗ trợ (tỷ đồng)	Ngân sách địa phương (tỷ đồng)	chú
Tổng cộng		90	552,288	10.469	10.408	61	
I. Kè phòng, chống sạt lở bờ biển		18	71,358	2.450	2.450	-	
1	2022-2023	09	41,398	1.206	1.206	-	
2	2024-2025	09	29,960	1.244	1.244	-	
II. Kè phòng, chống sạt lở bờ sông		72	480,930	8.019	7.958	61	
1	2022-2023	28	204,390	3.677	3.656	21	
2	2024-2025	44	276,540	4.342	4.302	40	

b) Giai đoạn 2026-2030:

- Tổng số công trình phòng, chống sạt lở bờ sông: **110** công trình.

- Tổng nhu cầu kinh phí xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông: **6.937** tỷ đồng (trong đó: Đề xuất Trung ương hỗ trợ: 6.937 tỷ đồng).

Chi tiết theo bảng sau:

Stt	Năm	Số lượng công trình	Số km kè	Đề xuất kinh phí			Ghi chú
				Tổng	Đề xuất Trung ương hỗ trợ (tỷ đồng)	Ngân sách địa phương (tỷ đồng)	
Tổng cộng		110	586,370	6.937	6.937	-	
I. Kè phòng, chống sạt lở bờ biển		-	-	-	-	-	Đề xuất khi phát sinh
II. Kè phòng, chống sạt lở bờ sông		110	586,370	6.937	6.937	-	

Stt	Năm	Số lượng công trình	Số km kè	Đề xuất kinh phí			Ghi chú
				Tổng	Đề xuất Trung ương hỗ trợ (tỷ đồng)	Ngân sách địa phương (tỷ đồng)	
sông							
1	2026	29	169,520	2.215	2.215	-	
2	2027	23	91,180	1.268	1.268	-	
3	2028	19	94,940	1.010	1.010	-	
4	2029	20	126,250	1.409	1.409	-	
5	2030	19	104,480	1.035	1.035	-	

3. Kinh phí trồng rừng phòng hộ ven biển, giai đoạn 2021-2025

Bên cạnh diện tích rừng ngập mặn được trồng mới và phục hồi thuộc các dự án xây dựng kè phá sóng, gây bồi, tạo bãi ven biển Tây, tỉnh Kiên Giang đã và đang triển khai thực hiện (tổng diện tích trồng rừng dự kiến sau khi hoàn thành các dự án xây dựng kè là 644,17 ha), Ban Quản lý rừng Kiên Giang dự kiến kế hoạch trồng rừng bãi bồi rừng phòng hộ ven biển, giải pháp chủ yếu bảo vệ cây mới trồng là xây dựng tường mềm giai đoạn năm 2021-2025 như sau:

- Mục tiêu: trồng 63 ha rừng hỗn giao mắm, bần...
- Giai đoạn thực hiện: 2022-2025.
- Địa điểm thực hiện: Bãi bồi ven biển huyện huyện An Biên.
- Tổng nhu cầu vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương: 20,40 tỷ đồng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng, các tổ chức và chính quyền địa phương trong phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

b) Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ người dân di dời khỏi khu vực sạt lở và khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở.

c) Hướng dẫn phân công, phân cấp, áp dụng giải pháp công nghệ xây dựng, xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển, duy tu bảo dưỡng công trình; trồng rừng ngập mặn ven biển và xây dựng hợp phần chỉnh trị sông, đường bờ biển trong quy hoạch tỉnh.

d) Tổ chức điều tra cơ bản về hiện trạng dân cư, lòng dẫn, sạt lở, công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển và các công trình hạ tầng ở ven sông, ven biển.

đ) Thiết lập, xây dựng hệ thống và tổ chức quan trắc, giám sát chuyên dùng về diễn biến lòng dẫn, đường bờ biển, thủy, hải văn, bùn cát, sạt lở bờ sông, bờ biển phục vụ công tác quản lý; xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương rà soát; đánh giá phân loại; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu liên quan đến sạt lở bờ sông, bờ biển; quản lý, khai thác bản đồ sạt lở và ứng dụng các giải pháp kỹ thuật xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển; trình tự thực hiện đối với các dự án xử lý cấp bách sạt lở bờ sông, bờ biển; bố trí, sắp xếp dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng ven sông, ven biển.

g) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, xây dựng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển và phát triển rừng ngập mặn phù hợp với điều kiện từng vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

h) Thí điểm ứng dụng công nghệ xây dựng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đối với những khu vực sạt lở phức tạp.

i) Xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư, duy tu bảo dưỡng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển bảo vệ các tuyến đê và các khu dân cư. Chủ trì, phối hợp với các địa phương rà soát, tổng hợp, trình Bộ Nông nghiệp và PTNT hỗ trợ kinh phí xử lý sạt lở cấp bách bờ sông, bờ biển.

k) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh tổ chức sơ kết tình hình triển khai thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2025 vào đầu năm 2026 và tổng kết kết quả thực hiện đề án sau khi kết thúc thời gian thực hiện Đề án.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương rà soát các quy định của pháp luật, chính sách liên quan đến tài nguyên đất đai, khoáng sản, biển và hải đảo để đề xuất, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế tại địa phương.

b) Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan hữu quan đối với việc quản lý bờ sông, lòng sông, bờ biển và sử dụng hiệu quả nguồn dữ liệu về thủy, hải văn, bùn cát, nước ngầm, lún sụt đất phục vụ phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

c) Điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu về bùn cát, thủy, hải văn, nước ngầm, lún sụt đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

d) Hướng dẫn, kiểm soát các hoạt động khai thác cát giảm thiểu nguy cơ

mất cân bằng bùn cát.

3. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng rà soát quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông trên sông, ven sông, ven biển, triển khai các biện pháp giảm thiểu tác động gây sạt lở bờ sông, bờ biển đối với các công trình đã xây dựng.

b) Tăng cường quản lý đối với việc xây dựng mới các công trình trên sông, ven sông, ven biển tránh gây sạt lở đối với khu vực lân cận.

c) Quản lý chặt chẽ việc nạo vét luồng lạch phục vụ giao thông thủy đảm bảo không gây sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn chế sự suy giảm bùn cát, sử dụng hiệu quả bùn cát nạo vét để san lấp, xây dựng cơ sở hạ tầng.

d) Hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động nạo vét luồng lạch, giao thông thủy hạn chế tác động gây sạt lở bờ sông.

4. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn việc xây dựng các khu dân cư phục vụ di dời dân ra khỏi những khu vực sạt lở, khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, bờ biển.

b) Nghiên cứu vật liệu mới thay thế cát nước ngọt sử dụng trong xây dựng, đề xuất các giải pháp thay thế cát san lấp.

c) Rà soát, bổ sung và tổ chức hướng dẫn thực hiện quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, quy hoạch xây dựng phù hợp với các đặc trưng tự nhiên sinh thái từng vùng, giảm thiểu nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Rà soát cơ chế chính sách, tạo điều kiện khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

b) Nghiên cứu toàn diện về sự thay đổi chế độ thủy, hải văn, cân bằng bùn cát, lún sụt đất trên các hệ thống sông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, vật liệu mới để phòng, chống sạt lở phù hợp với điều kiện từng khu vực, tập trung vào các giải pháp mới, thân thiện môi trường, giảm chi phí đầu tư.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh xây dựng danh mục kêu gọi đầu tư các công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn cho xây dựng công trình phòng chống sạt lở, xử lý cấp bách sạt lở bờ sông,



bờ biển và các hoạt động liên quan đến phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển theo quy định của pháp luật.

7. Sở Tài chính

Chủ trì, bố trí kinh phí cho các nội dung chi thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

8. Các Sở, ngành khác

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật đối với các hoạt động quản lý lòng sông, bờ sông, bờ biển và khai thác tài nguyên, khoáng sản, sử dụng nguồn nước, xây dựng các công trình, nhà ở trên sông, ven sông, ven biển để giảm thiểu các tác động gây sạt lở bờ sông, bờ biển và suy giảm rừng ngập mặn ven biển.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân và các tổ chức trong công tác phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

b) Quản lý chặt chẽ việc xây dựng, nâng cấp nhà ở, công trình ven sông, ven biển; khai thác cát, sỏi lòng sông, ven biển; khai thác nước ngầm; bảo vệ rừng ngập mặn ven biển. Sử dụng hợp lý bùn cát nạo vét để san lấp, xây dựng cơ sở hạ tầng, hạn chế việc sử dụng cát, sỏi lòng sông.

c) Quản lý tổng hợp vùng ven sông, ven biển theo hình thức xã hội hoá, gắn với sinh kế của người dân và trách nhiệm trông, chăm sóc, bảo vệ, khai thác nguồn lợi từ rừng ngập mặn ven biển.

d) Kiểm tra, rà soát, đánh giá phân loại sạt lở; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu liên quan đến sạt lở bờ sông, bờ biển; quản lý, khai thác bản đồ sạt lở; cấm biển cảnh báo tại những khu vực sạt lở và có nguy cơ cao xảy ra sạt lở; ứng dụng các giải pháp công nghệ xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển.

đ) Rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên xây dựng công trình phòng chống sạt lở, tổ chức di dời dân khỏi khu vực sạt lở, có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

e) Phân công, phân cấp việc quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Lồng ghép các nội dung phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

g) Hàng năm ưu tiên bố trí nguồn vốn của địa phương và huy động từ khối tư nhân di dời dân cư khỏi khu vực sạt lở hoặc có nguy cơ cao xảy ra sạt lở bờ sông, bờ biển; trồng cây chắn sóng bảo vệ bờ biển; xây dựng công trình, xử lý sạt lở cấp bách bờ sông, bờ biển gắn với việc xây dựng nông thôn mới; duy tu bảo dưỡng công trình phòng chống sạt lở; thí điểm ứng dụng công nghệ xây

dựng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

h) Định kỳ vào cuối tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức công bố và triển khai thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ biển, bờ sông, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *T. Ma*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục PCTT;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KT, P. TH;
- Lưu: VT, cvquoc.



KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

lal
Lê Quốc Anh

